

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng
lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017 của Chính phủ, Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ, về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông, về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2749/SKH-KTĐN ngày 25/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2019, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào, chi phí cơ hội, chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và người dân;

- Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, phấn đấu 100% hồ sơ tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh được giải quyết trước và đúng hạn.

- Tập trung giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng với thời gian nhanh nhất, chi phí thấp nhất nhằm xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh, đầu tư thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh

nghiệp hoạt động. Đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý doanh nghiệp, dự án sau khi được thành lập, chấp thuận chủ trương đầu tư và xây dựng bộ máy chính quyền “Liên chính, kiến tạo, hành động, hiệu quả”.

- Phần đầu năm 2019 tăng 2-3 bậc so với năm 2018; Cải thiện và nâng dần điểm số, thứ hạng PCI của tỉnh những năm tiếp theo nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành khá, xếp ở vị trí từ 40-50 trên 63 tỉnh/thành phố.

2. Giải pháp chỉ đạo điều hành:

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành và địa phương cần tập trung bám sát các chỉ đạo điều hành của Chính phủ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, cải cách thủ tục hành chính và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp gắn với nhiệm vụ công tác hàng năm của cơ quan, đơn vị;

- Thông qua việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để xem xét đánh giá chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước, đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ nhằm xây dựng nền công vụ và đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời gian tới.

- Người đứng đầu các Sở, Ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì từng chỉ số thành phần trong chỉ số PCI phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 19 của Chính phủ và thứ hạng các chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần PCI thuộc trách nhiệm cơ quan mình được giao.

3. Nhiệm vụ:

- UBND tỉnh giao trách nhiệm cải thiện các chỉ tiêu trong các chỉ số thành phần cho các đơn vị tại Phụ lục 01 và phân công đơn vị thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Phụ lục 02 kèm theo.

- Tổ giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh Đắk Nông có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Quyết định này của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan, chuyển kết quả theo dõi về Sở Nội vụ để đưa vào nội dung đánh giá kết quả nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

- Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Mục 1, Công văn số 5674/UBND-KTKH ngày 09/11/2018.

4. Khen thưởng, kỷ luật:

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu chỉ tiêu được giao chủ trì bị giảm điểm; đồng thời, đề nghị UBND tỉnh xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị có liên quan nếu không thực hiện tốt việc phối hợp, làm ảnh

hướng đến kết quả thực hiện chung (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ để tổng hợp).

- Hàng năm, sau khi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố kết quả chấm điểm PCI, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất UBND tỉnh khen thưởng cho các đơn vị được giao thực hiện các chỉ tiêu có điểm cao hơn kế hoạch mục tiêu đề ra và xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị thực hiện chưa tốt.

Điều 2. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai đối với nhiệm vụ được giao chủ trì; Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ được giao phối hợp; hoàn thành việc xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị trước **ngày 26/02/2019**; định kỳ, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ) kết quả thực hiện.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này, định kỳ báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VCCI, VCCI chi nhánh Đà Nẵng;
- Thành viên Ban Chỉ đạo PCI;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Cty Điện lực Đắk Nông;
- Cty CP CN&PTĐT Đắk Nông;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, KTKH(Hg).

24



Trần Xuân Hải

**Phụ lục 01: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU TRONG CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 115 /QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	Chỉ phí gia nhập thị trường	7,06	7,84			
1.1	Số ngày đăng ký doanh nghiệp (trung vị)	5	2 ngày làm việc	Sở KH&ĐT	Cục Thuế tỉnh	Chỉ tiêu nghịch
1.2	Số ngày thay đổi ĐKDN (trung vị)	5	2 ngày làm việc	Sở KH&ĐT	Cục Thuế tỉnh	Chỉ tiêu nghịch
1.3	Phải chờ hơn 1 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	23,68%	dưới 13%	Sở KH&ĐT	Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở LĐTB&XH,	Chỉ tiêu nghịch
1.4	Phải chờ hơn 3 tháng hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động(% DN)	13,16%	dưới 3%	Sở KH&ĐT	Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở LĐTB&XH	Chỉ tiêu nghịch
1.5	Tỉ lệ DN làm thủ tục ĐKDN qua phương thức mới (trực tuyến, Trung tâm HCC, bưu điện)(%)	16,22%	trên 20%	Sở KH&ĐT	Văn phòng UBND tỉnh	
1.6	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Thủ tục được niêm yết công khai(%)	72,22%	trên 80%	VP UBND tỉnh	Sở KH&ĐT	
1.7	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ hướng dẫn rõ ràng, đầy đủ(%)	90,00%	trên 90%	VP UBND tỉnh	Sở KH&ĐT	
1.8	Thủ tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ am hiểu chuyên môn(%)	70,00%	trên 72%	VP UBND tỉnh	Sở KH&ĐT	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1.9	Thu tục (thay đổi) ĐKDN: Cán bộ nhiệt tình, thân thiện(%)	70,00%	trên 76%	VP UBND tỉnh	Sở KH&ĐT	
1.10	Thu tục (thay đổi) ĐKDN: Ứng dụng CNTT tốt (%)	48,39%	trên 60%	VP UBND tỉnh	Sở KH&ĐT	
2	Tiếp cận đất đai	6,29	6,33			
2.1	Tỉ lệ DN có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (%)	61,64%	trên 62%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	
2.2	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	30	dưới 25 ngày làm việc	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
2.3	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất cao; 5=Rất thấp)	1,62	trên 1,8	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	
2.4	DN không gặp cản trở về tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	34,09%	dưới 25%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
2.5	Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	13,79%	dưới 13%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
2.6	Giải phóng mặt bằng chậm (%)	22,41%	dưới 16%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
2.7	Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng(%)	31,03%	dưới 29%	Sở TN&MT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Chỉ tiêu nghịch
2.8	Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng (% luôn luôn/nhiều khả năng)	27,69%	trên 28%	Sở TN&MT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã	
2.9	Thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	79,00%	trên 80%	Sở TN&MT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã	
2.10	DN thực hiện TTHC đất đai trong vòng 2 năm qua không gặp khó khăn (%)	29,03%	trên 30%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	
2.11	Không có GCNQSDĐ do lo ngại TTHC rườm rà/cản bộ những nhiều (%)	20,69%	dưới 15%	Sở TN&MT	Văn phòng UBND tỉnh	Chỉ tiêu nghịch

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
3	Tính minh bạch	5,94	6,34			
3.1	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	2,44	dưới 2,4	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
3.2	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	2,91	dưới 2,9	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
3.3	Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để DN sử dụng cho hoạt động kinh doanh (%)	77,27%	trên 83%	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
3.4	Thông tin mời thầu được công khai(%)	33,33%	trên 50%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã là Chủ đầu tư các dự án	
3.5	Tỉ lệ DN nhận được thông tin, văn bản sau khi đề nghị CQNN của tỉnh cung cấp (%)	62,96%	trên 71%	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
3.6	Số ngày để nhận được thông tin, văn bản sau khi đã đề nghị cung cấp (trung vị)	4,00	4 ngày	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
3.7	Cần có 'mối quan hệ' để có được các tài liệu của tỉnh (%)	66,99%	dưới 66%	Sở TT&TT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
3.8	'Thỏa thuận' khoản thuế phải nộp với CB thuế là công việc quan trọng(%)	60,20%	dưới 54%	Cục Thuế tỉnh		Chỉ tiêu ngành
3.9	Dự liệu được việc thực thi của tỉnh đối với QDPL của TW (% chắc chắn)	6,10%	trên 6,1%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
3.10	Vai trò HHDN trong việc xây dựng chính sách, quy định của tỉnh (% lớn/rất lớn)	34,00%	trên 48%	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
3.11	Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh (Nhóm nghiên cứu PCI)	35,00	trên 35 điểm	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT	
3.12	Tỉ lệ DN truy cập vào website của tỉnh (%)	76,47%	trên 76,47%	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT	
4	Chi phí thời gian	6,18	6,48			
4.1	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QDPL (%)	35,00%	dưới 32%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.2	CBCC giải quyết công việc hiệu quả (%)	73,21%	trên 75%	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.3	CBCC thân thiện (%)	66,36%	trên 67%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.4	DN không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục (%)	54,55%	trên 55%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.5	Thu tục giấy tờ đơn giản (%)	51,82%	trên 52%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.6	Phí, lệ phí được niêm yết công khai (%)	88,07%	trên 92%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.7	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định(%)	65,09%	trên 67%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
4.8	Tỉ lệ DN bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm(%)	6,06%	dưới 6%	Thanh tra tỉnh	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHHH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN tỉnh	Chỉ tiêu nghịch
4.9	Nội dung thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	16,85%	dưới 13%	Thanh tra tỉnh	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHHH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN tỉnh	Chỉ tiêu nghịch
4.10	Số giờ trung vị cho mỗi cuộc làm việc với Thanh tra tỉnh, kiểm tra thuế	18	dưới 15	Cục Thuế tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4.11	Thanh, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN(%)	24,00%	dưới 19%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN Đắk Nông	Thanh tra tỉnh, Sở Nội vụ	Chỉ tiêu ngành
5	Chi phí không chính thức	4,11	5,31			
5.1	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	60,38%	dưới 60%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp		Chỉ tiêu ngành
5.2	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (%luôn luôn/hầu hết)	60,71%	trên 63%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN tỉnh	Sở Nội vụ	
5.3	Tình trạng những nhiều khi giải quyết TTHC cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	74,07%	dưới 61%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
5.4	Các khoản CPKCT ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	81,31%	trên 81,31%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN tỉnh		

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
5.5	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra(%)	59,79%	dưới 52%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp, BHXH tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục quản lý thị trường tỉnh, Công an tỉnh, KBNN tỉnh		Chỉ tiêu nghịch
5.6	Tỉ lệ DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại CPKCT (%)	11,96%	dưới 10%	Thủ trưởng cơ quan QLNN các cấp		Chỉ tiêu nghịch
5.7	Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất đai(%)	36,36%	dưới 32%	Sở TN&MT	Các phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
5.8	Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu (% Đồng ý)	57,45%	dưới 55%	Sở KH&ĐT	Các Chủ đầu tư dự án	Chỉ tiêu nghịch
5.9	DN lo ngại tình trạng 'chạy án' là phổ biến (%)	47,54%	dưới 32%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
6	Cạnh tranh bình đẳng	4,4	5,14			
6.1	Việc tính ưu ái cho các DNNN gây khó khăn cho DN (% Đồng ý)	45,35%	dưới 41%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
6.2	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	32,18%	dưới 30%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
6.3	DNNN thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay (% Đồng ý)	35,63%	dưới 29%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh		Chỉ tiêu nghịch
6.4	DNNN thuận lợi hơn trong cấp phép khai thác khoáng sản (% Đồng ý)	24,14%	dưới 19%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
6.5	DNNN thuận lợi hơn trong việc thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	29,89%	dưới 25%	VP UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính	Chỉ tiêu ngành
6.6	DNNN thuận lợi hơn trong việc có được các hợp đồng từ CQNN (% Đồng ý)	29,89%	dưới 23%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.7	DN FDI được ưu tiên giải quyết các khó khăn hơn DN dân doanh (% Đồng ý)	48,81%	dưới 44%	Sở KH&ĐT	Các Sở: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.8	Tính ưu tiên thu hút FDI hơn là phát triển khu vực tư nhân (% Đồng ý)	40,45%	dưới 40%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.9	DN FDI thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai (% Đồng ý)	20,22%	dưới 20%	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.10	DN FDI có đặc quyền trong miễn/giảm thuế TNDN(% Đồng ý)	17,98%	dưới 17%	Cục Thuế tỉnh		Chỉ tiêu ngành
6.11	DN FDI thuận lợi hơn trong thực hiện các TTHC (% Đồng ý)	13,48%	dưới 13%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.12	DN FDI trong hoạt động nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn(% Đồng ý)	22,47%	dưới 22%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.13	Nguồn lực kinh doanh (hợp đồng, đất đai...) chủ yếu rơi vào DN thân quen CBCQ	85,88%	dưới 74%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
6.14	Ưu đãi DN lớn(nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho bản thân DN (% Đồng ý)	58,62%	dưới 54%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu ngành
7	Tính năng động	4,73	5,44			
7.1	UBND tỉnh vận dụng PL linh hoạt nhằm tạo MTKD thuận lợi cho KTTN(%)	72,22%	trên 74%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
7.2	UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề mới phát sinh (%)	54,02%	trên 58%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
7.3	Thái độ của chính quyền tỉnh với Khu vực KTTN là tích cực(%)	30,93%	trên 45%	VP UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
7.4	Có sáng kiến hay ở cấp tỉnh, nhưng chưa được thực thi tốt ở các sở/ngành(%)	82,76%	dưới 77%	Các Sở, ban, ngành	UBND các huyện, thị xã	
7.5	Lãnh đạo tỉnh có chủ trương đúng, nhưng chưa được thực hiện tốt ở cấp huyện/thị (%)	60,92%	dưới 59%	UBND các huyện, thị xã	Các Sở, ban, ngành và Văn phòng UBND tỉnh	Chỉ tiêu nghịch
7.6	Khi CS, PL TW có điểm chưa rõ, CQ tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả)	27,27%	dưới 27%	Các Sở, ban, ngành	UBND các huyện, thị xã	Chỉ tiêu nghịch
7.7	Vướng mắc, khó khăn của DN được tháo gỡ kịp thời qua Đối thoại DN(%)	60,47%	trên 67%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
7.8	DN nhân được phản hồi của QONN tỉnh sau khi phân ánh khó khăn, vướng mắc(%)	94,44%	trên 95%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
7.9	Tỉ lệ DN hài lòng với phản hồi/cách giải quyết của QONN tỉnh(%)	64,71%	trên 77%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	
8	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	6,19	6,61			
8.1	Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm vừa qua (BCT)	17	Từ 17-19 hội chợ trong năm	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.2	Tỉ lệ DN cung cấp dịch vụ (CCDV) trên tổng số DN (%), TCKT)	1,85%	trên 1,85%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.3	Tỉ lệ DN CCDV tư nhân và FDI trên tổng số DN CCDV (%), TCTK)	40,91%	trên 70%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.4	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (TTTT) (%)	54,72%	trên 60%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
8.5	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm TTTT(%)	68,97%	trên 70%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.6	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm TTTT (%)	58,62%	trên 71%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.7	DN từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật (TVPL) (%)	61,90%	trên 62%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.8	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ TVPL (%)	46,15%	trên 50%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.9	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ TVPL(%)	53,85%	trên 66%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.10	DN từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (ĐTKD)(%)	41,67%	trên 46%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.11	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm ĐTKD (%)	66,67%	trên 75%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.12	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm ĐTKD(%)	60,00%	trên 67%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã	
8.13	DN từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại (XTTM) (%)	52,38%	trên 59%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.14	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ XTTM (%)	45,45%	trên 47%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
8.15	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ XTTM(%)	54,55%	trên 60%	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.16	DN từng sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ (%)	68,18%	trên 68,18%	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.17	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan tới công nghệ	66,67%	trên 67%	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.18	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ liên quan tới công nghệ(%)	53,33%	trên 63%	Sở KH&CN	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.19	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính (KTTC)(%)	59,09%	trên 59,09%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.20	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	61,54%	trên 61,54%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.21	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về KTTC (%)	61,54%	trên 67%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.22	DN từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh (QTKD) (%)	60,00%	trên 60%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.23	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	71,43%	trên 72%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
8.24	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về QTKD(%)	52,38%	trên 67%	Sở KH&ĐT	Các Sở, ban, ngành có liên quan	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
9	Đào tạo lao động	5,15	6,45			
9.1	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	44,68%	trên 58%	Sở GD&ĐT		
9.2	Tỉ lệ DN đánh giá Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng Tốt(%)	25,26%	trên 38%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.3	DN từng sử dụng dịch vụ Giới thiệu việc làm (GTVL) tại tỉnh (%)	65,63%	trên 66%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.4	DN đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ GTVL (%)	71,43%	trên 71,43%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.5	DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ GTVL (%)	57,14%	trên 63%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Chỉ tiêu nghịch
9.6	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Đào tạo lao động (%)	7,64%	dưới 6%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Chỉ tiêu nghịch
9.7	Phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho Tuyển dụng lao động (%)	7,06%	dưới 5%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	Chỉ tiêu nghịch
9.8	Lao động tại tỉnh đáp ứng được nhu cầu sử dụng của DN (%)	79,35%	trên 90%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo /số lao động chưa qua đào tạo(%, BLĐTBXH)	2,21%	trên 5%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.10	Tỉ lệ lao động qua đào tạo trên tổng lực lượng lao động (%, BLĐTBXH)	5,03%	trên 8%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
9.11	Tỉ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc tại DN (%)	46,00%	trên 46%	Sở LĐTB&XH	Các Sở, ban, ngành có liên quan	
10	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	4,27	5,94			
10.1	Tình trạng hệ thống pháp luật (HTPL) sẽ đảm bảo quyền tài sản/Thực thi hợp đồng của DN(%)	82,11%	trên 85%	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
10.2	HTTPL có cơ chế giúp DN tố cáo cán bộ những nhiều(%)	23,33%	trên 30%	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thanh tra tỉnh	
10.3	Lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều DN(%)	25,00%	trên 36%	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh	
10.4	DN sẵn sàng sử dụng Tòa án nhân dân để giải quyết các tranh chấp (%)	37,76%	trên 40%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.5	Tòa án nhân dân các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật(%)	85,26%	trên 88%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.6	Phán quyết của Tòa án nhân dân là công bằng (%)	71,91%	trên 83%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.7	Tòa án nhân dân các cấp ở tỉnh xét xử vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	57,14%	trên 66%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.8	Phán quyết của Tòa án nhân dân được thi hành nhanh chóng (%)	58,24%	trên 62%	Cục thi hành án dân sự tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.9	Các CQ trợ giúp pháp lý tại tỉnh hỗ trợ DN nhanh chóng để khởi kiện (%)	66,67%	trên 73%	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát	
10.10	Các chi phí chính thức và CPKCT là chấp nhận được khi giải quyết tranh chấp qua Tòa án nhân dân(%)	67,82%	trên 73%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.11	Số lượng vụ việc tranh chấp của DN dân doanh do Tòa án nhân dân thụ lý/100 DN (TATC)	0,67	trên 1,0	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	

STT	Chỉ số thành phần/Chỉ số phụ	Điểm 2017	Mục tiêu 2019	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
10.12	Tỉ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh/tổng số nguyên đơn tại Toà án tỉnh (% , TATC)	88,89%	trên 90%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.13	Tỉ lệ vụ việc kinh tế đã được giải quyết trong năm(% , TATC)	67,35%	trên 80%	Tòa án nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân các huyện, thị xã	
10.14	Tình hình an ninh trật tự tại tỉnh là Tốt(%)	48,98%	trên 56%	Công an tỉnh		
10.15	Tỉ lệ DN bị mất trộm tài sản năm qua (%)	23,47%	dưới 14%	Công an tỉnh		Chỉ tiêu nghịch
10.16	CQ công an hỗ trợ DN giải quyết hiệu quả vụ mất trộm tài sản(%)	69,23%	trên 71%	Công an tỉnh		
10.17	Phải trả tiền 'bảo kê' cho băng nhóm côn đồ, xã hội đen để yên ổn làm ăn(%)	6,98%	dưới 3%	Công an tỉnh		Chỉ tiêu nghịch

**Phụ lục 02: PHÂN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH CẢI THIỆN
CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI) NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
1	Ban hành chương trình/kế hoạch triển khai thực hiện trong cơ quan, đơn vị; với mỗi nhiệm vụ được giao phân công cụ thể Lãnh đạo phụ trách, đơn vị thực hiện đảm bảo hoàn thành đúng thời gian, đảm bảo chất lượng	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ	Trước ngày 26/02/2019	Chương trình/Kế hoạch được phê duyệt		
2	Rà soát, tổng hợp công khai thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính theo quy định để doanh nghiệp dễ hiểu, để thực hiện và kiểm soát. Công khai các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch chung xây dựng, các tài liệu và ngân sách... để nhà đầu tư, cộng đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh.	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian; Tỉnh minh bạch	
3	Nâng cao chất lượng biên soạn, cập nhật thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử (TTĐT) của cơ quan, đơn vị thường xuyên, liên tục, đầy đủ đúng quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Công khai, minh bạch, phổ biến các tài liệu của Trung ương và của tỉnh, đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, xây dựng, quy hoạch ngành, thủ tục hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý, thông tin về cán bộ chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, kiến nghị của doanh nghiệp trên Cổng/trang thông tin điện tử của đơn vị.	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tỉnh minh bạch	
4	Tăng cường đối thoại, xử lý kịp thời các kiến nghị, khó khăn, vướng mắc và khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực đăng ký kinh doanh, đầu tư, cấp các loại giấy phép xây dựng, môi trường, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, công khai kết quả giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và tổng hợp đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Thanh tra tỉnh	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
5	Các Chủ đầu tư là các cơ quan nhà nước của tỉnh chịu trách nhiệm biên tập tóm lược thông tin các dự án công trình kêu gọi đầu tư, các kế hoạch đầu thầu, phê duyệt kết quả trúng thầu gửi Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; đồng thời, cập nhật trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; thực hiện đầu thầu công khai tạo môi trường thông thoáng, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tỉnh minh bạch	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
6	Công khai, minh bạch các hoạt động mua sắm công, đấu thầu theo quy định của pháp luật; tăng cường giám sát, theo dõi và kiểm tra hoạt động đấu thầu.	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện (các chủ đầu tư)	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tinh minh bạch	
7	Công khai kết luận thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các đơn vị	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Thanh tra tỉnh	10 ngày kể từ khi ban hành kết luận, báo cáo	Báo cáo số lượng cuộc thanh tra được công khai	Chi phí không chính thức	
8	Tuyên truyền, quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đúng về đối tượng chấm điểm, nội hàm của các chỉ số thành phần PCI để cung thông nhất và hành động.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đài PT&TH tỉnh; Báo Đắk Nông; Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Tháng 3/2019 và liên tục thực hiện	Văn bản triển khai		
9	Tăng cường công tác nắm bắt thông tin, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp và việc triển khai các dự án đầu tư để chủ động tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp thông qua việc triển khai tốt mô hình "Cà phê doanh nhân" và các chương trình đối thoại doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Trước 20 hàng tháng	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
10	Rà soát, tổng hợp danh mục thủ tục hành chính, những công việc được tư vấn, hỗ trợ miễn phí; những công việc hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư có phí, mức phí. Trong đó, cần quy định cụ thể phương thức liên hệ, thời gian hỗ trợ, đồng thời công khai những nội dung này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các đơn vị.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Tháng 3/2019	Danh mục được phê duyệt; Thông báo trên các trang thông tin điện tử các đơn vị	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
11	Tổ chức đối thoại định kỳ với doanh nghiệp để lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, qua đó xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp đến kết quả cuối cùng	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Định kỳ theo quý	Kế hoạch, chương trình; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
12	Rà soát, công bố danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi đầu tư và danh mục dự án đặc biệt ưu tiên kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Danh mục dự án được UBND tỉnh phê duyệt	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
13	Rà soát đánh giá tình hình triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, để tham mưu các giải pháp kịp thời nhằm thúc đẩy nguồn lực Đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhất là các dự án ứng dụng công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã	Tháng 12/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
14	Xây dựng, đánh giá và công bố và áp dụng bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và huyện (DDCI) trên địa bàn tỉnh năm 2019 và các năm tiếp theo	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Tháng 12/2019	Đề án được phê duyệt và triển khai	Chỉ số PCI	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Chỉ chú
15	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến và thông qua dịch vụ bưu chính công ích đối với lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở LĐT&XH, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Tháng 3/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí gia nhập thị trường	
16	Tiếp tục rà soát, xây dựng bộ thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết thành lập mới phần đầu còn 1,5 ngày làm việc đối các thủ tục chưa thực hiện cắt giảm trong năm 2018	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh	Tháng 3/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí gia nhập thị trường	
17	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan tiếp tục rà soát bộ thủ tục hành chính, các giấy phép con của các đơn vị có liên quan trực tiếp đến quá trình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó thống nhất đề xuất cắt giảm thủ tục giấy phép con (nếu có) đồng thời cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục thuộc thẩm quyền của các Sở ngành.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thuế tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở LĐT&XH, Ngân hàng NN CN Đắc Nông và các đơn vị có liên quan	Tháng 4/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí gia nhập thị trường	
18	Tiếp tục triển khai các bước để tiến hành cổ phần hóa theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt đối với 3/4 Công ty; Đón đốc Hội đồng giải thể các công ty khẩn trương hoàn thành công tác giải thể đối với 06 công ty hoạt động, sản xuất kinh doanh không hiệu quả. Đồng thời, Tiếp tục triển khai bán cổ phần (phần vốn nhà nước) đến khi thoái toàn bộ phần vốn nhà nước đang nắm giữ đối với 03 công ty thuộc diện thoái vốn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban chỉ đạo Cổ phần hóa doanh nghiệp tỉnh	Theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt	Báo cáo kết quả thực hiện	Cạnh tranh bình đẳng	
19	Phổ biến cho các chủ đầu tư, bên mời thầu nghiêm túc thực hiện việc đăng tải thông tin mời thầu lên mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu và các phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định. Thực hiện nghiêm việc lựa chọn nhà thầu qua mạng, đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng trong lựa chọn nhà thầu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã là các Chủ đầu tư	Tháng 3/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Cạnh tranh bình đẳng	
20	Tăng cường công tác tư vấn trong quá trình thành lập doanh nghiệp liên quan đến dịch vụ cung cấp cho đào tạo về các lĩnh vực kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh nhằm tăng số lượng và chất lượng đơn vị cung cấp tại tỉnh. Đồng thời tư vấn, hướng dẫn và làm hồ sơ miễn phí cho doanh nghiệp, nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, kinh doanh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
21	Tiếp tục đề nghị các chủ đầu tư, bên mời thầu thực hiện nghiêm túc Chi thị số 47/CT-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác đấu thầu trong các dự án đầu tư phát triển và hoạt động mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã là các Chủ đầu tư	Tháng 3/2019 và liên tục thực hiện	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí không chính thức	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
22	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, xây dựng chuỗi liên kết, kết nối hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp trong tỉnh; chủ trì tổ chức các chương trình hỗ trợ đào tạo quản trị cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa; nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp, tiếp tục các giải pháp hỗ trợ để khuyến khích chuyển đổi các hộ kinh doanh sang doanh nghiệp;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 9/2019 và liên tục thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
23	Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tập huấn trao đổi kinh nghiệm về công tác cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) để tiếp tục đề xuất các sáng kiến mới triển khai kịp thời.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở TNMT, Sở LĐTB&XH và các đơn vị liên quan	Tháng 9/2019 và liên tục thực hiện	Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ số PCI	
24	Tổ chức rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính chưa phù hợp, không cần thiết, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện thủ tục hành chính; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả của các quy định về thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Tháng 4/2019; tháng 9/2019	Quyết định rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
25	Xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả về: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tiếp nhận thủ tục hành chính,...	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 6/2019	Kế hoạch tổ chức; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí gia nhập thị trường	
26	Tăng cường hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, triển khai giải pháp nộp hồ sơ bằng điện thoại thông minh thông qua ứng dụng Zalo	Văn phòng UBND tỉnh	UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí gia nhập thị trường	
27	Cập nhật, nâng chất lượng tin bài; tăng cường quảng bá, giới thiệu, tăng các kênh tiếp cận với trang web của tỉnh.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
28	Xây dựng bộ quy tắc ứng xử của CBCCC làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp; tăng cường thanh tra, kiểm tra; Xây dựng Bộ tiêu chí chấm điểm, đánh giá cán bộ, công chức hàng năm theo hướng lượng hóa, đánh giá dựa trên kết quả đầu ra, hiệu quả công việc	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; văn bản ban hành bộ quy tắc	Chi phí thời gian	
29	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; mẫu hóa thành phần hồ sơ	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 7/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kèm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Chỉ chủ
30	Tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện cung cấp ít nhất 30% số dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền ở cấp độ 4	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 12/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ phí thời gian	
31	Tiếp tục đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 12/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ phí thời gian	
32.	Rà soát chất lượng hoạt động của Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”, bảo đảm việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục hành chính phải thực hiện một lần, đầy đủ, hợp lệ để doanh nghiệp có thể hoàn chỉnh; bố trí cán bộ, công chức có trình độ, năng lực và kỹ năng giao tiếp tốt tại Bộ phận “Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả”, tránh tình trạng thẩm tra hồ sơ hướng dẫn thiếu để doanh nghiệp phải đi lại chỉnh sửa, bỏ sung nhiều lần gây phiền hà, lãng phí thời gian và chi phí của nhà đầu tư, doanh nghiệp.	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ phí thời gian	
33	Chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường giám sát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có thái độ hách dịch, những thiếu, gây khó khăn, phiền hà, từ chối các yêu cầu đúng quy định và pháp luật của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về các vi phạm của công chức trong phạm vi quản lý.	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ phí thời gian	
34	Tiến hành kiểm tra đột xuất việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả	Chỉ phí thời gian	
35	Kiểm tra liên ngành công tác CCHC, hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh”; thời gian hoàn thành từ tháng 7 đến tháng 11/2019	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Tháng 7 đến tháng 11/2019	Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, Kế hoạch kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra, kết quả xử lý sau kiểm tra	Chỉ phí không chính thức	
36	Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao chi số cải cách hành chính (PAR-INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Sở Nội vụ	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai thực hiện; Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ phí thời gian; Chi phí không chính thức; Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
37	Đưa kết quả cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) vào bình xét thi đua khen thưởng hàng năm. Đối với những chỉ số thành phần được giao chịu trách nhiệm chính nếu giảm điểm thì tập thể và Ban lãnh đạo đơn vị đó không đưa vào danh sách bình xét thi đua khen thưởng.	Sở Nội vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 12/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
38	Công khai kịp thời các tài liệu về ngân sách sau khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp sử dụng.	Sở Tài chính	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
39	Công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đất đai để bảo đảm cho người dân và doanh nghiệp chi phải thực hiện những yêu cầu đúng như đã được niêm yết công khai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã; Cục Thuế tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
40	Tăng cường phối hợp với UBND các huyện, thị xã tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để các doanh nghiệp triển khai các dự án.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tiếp cận đất đai	
41	Tiếp tục rà soát, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; thống kê và tham mưu cấp có thẩm quyền thu hồi đất đã cấp sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất sạch cho các doanh nghiệp khác thuê.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã	Tháng 4/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tiếp cận đất đai	
42	Công khai hóa quỹ đất chưa sử dụng, đất chưa cho thuê, cho thuê lại tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, quỹ đất được Nhà nước giao, cho thuê nhưng chậm đưa đất vào sử dụng. Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tiếp cận đất đai	
43	Tiếp tục rà soát, cải tiến các thủ tục và quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến giao đất, cho thuê đất, giải quyết kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, UBND các huyện thị xã	Tháng 6/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tiếp cận đất đai	
44	Tổ chức các lớp tuyên truyền, tập huấn phổ biến kiến thức về hội nhập quốc tế, chính sách liên quan về hội nhập, cam kết hội nhập quốc tế, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các Hiệp định thương mại tự do (FTA),... cho các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp; nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về các rào cản thương mại, xử lý hiệu quả các vụ điều tra chống bán phá giá, trợ cấp, trợ trợ của nước nhập khẩu,... để nắm bắt cơ hội và vượt qua những thách thức trong giai đoạn hội nhập sâu rộng.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Tháng 12/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
45	Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường. Cập nhật thông báo và cảnh báo từ các nước thành viên WTO gửi cho doanh nghiệp, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
46	Thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương, chú trọng xúc tiến thương mại ngoài nước, giúp doanh nghiệp tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu. Khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư liên kết sản xuất với người dân, doanh nghiệp từ sản xuất nguyên liệu đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo ra chuỗi giá trị đồng bộ, ổn định và bền vững.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
47	Thu thập thông tin, biên soạn, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển thị trường trong và ngoài nước đối với sản phẩm của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; phát hành các ấn phẩm quảng bá, giới thiệu doanh nghiệp, sản phẩm; thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên các phương tiện truyền thông.	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
48	Tăng cường và phát huy hiệu quả các cuộc hội chợ thương mại, xúc tiến thương mại tiếp xúc với doanh nghiệp, trong đó cần có đánh giá hiệu quả mức độ kết nối thị trường sau mỗi cuộc hội chợ, xúc tiến thương mại;	Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
49	Triển khai và theo dõi, đánh giá quá trình triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư vào cụm công nghiệp; phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai xúc tiến đầu tư vào các cụm công nghiệp; thực hiện công khai quy đất trong các cụm công nghiệp và phối hợp thông tin đến các nhà đầu tư, doanh nghiệp biết, nghiên cứu đầu tư vào các cụm công nghiệp;	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
50	Chủ trì, phối hợp với Công ty Điện lực Đắk Nông, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã thực hiện công khai quy trình thủ tục tiếp cận điện năng, đảm bảo chỉ tiêu tiếp cận điện năng tối đa 10 ngày; kiểm soát hiệu quả tình trạng độc quyền trong kinh doanh;	Sở Công Thương	Công ty Điện lực Đắk Nông, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thị xã	Tháng 4/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
51	Chỉ đạo triển khai và thực hiện hiệu quả các hoạt động như: đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng, chứng thực, thừa phát lại,... nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch. Phát triển về số lượng và chất lượng quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương; công khai thông tin đầy đủ, kịp thời về đội ngũ luật sư, quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh	Thường xuyên	Văn bản triển khai và Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
52	Phối hợp với Đoàn Luật sư và các Tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh tham gia tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khi phát sinh yêu cầu; Phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh cung cấp thông tin, công khai, hướng dẫn thủ tục, quy trình khởi kiện, thụ lý, giải quyết các vụ việc.	Sở Tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh	Thường xuyên	Văn bản triển khai và Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
53	Hướng dẫn các ngành, các cấp xây dựng và thực hiện Quy chế cung cấp thông tin nội bộ theo đúng quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 3/2019	Văn bản triển khai và Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
54	Tăng cường công tác theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành cập nhật và báo cáo UBND tỉnh về việc triển khai văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương; tham mưu UBND tỉnh kiến quyết phê bình, xử lý những cơ quan, đơn vị thực hiện không nghiêm túc.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Hàng quý	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện theo hàng tháng	Chi phí thời gian	
55	Cập nhật kịp thời VBQPPL của địa phương trên trang Vbpl.vn; Các thông tin, văn bản liên quan đến doanh nghiệp tại chuyên mục "Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp" trên trang tin điện tử của Sở; Bản tin Tư pháp; chuyên mục "Pháp luật và Đời sống" của Đài PT&TH tỉnh. Đồng thời tham gia hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp khi có yêu cầu.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo Kế quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
56	Xây dựng và đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp như: Tổ chức tuyên truyền pháp luật kết hợp với tư vấn, giải đáp cho từng nhóm doanh nghiệp cụ thể, tới từng doanh nghiệp; bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
57	Tham mưu thực hiện tốt công tác xây dựng, thẩm định, góp ý, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác theo các chương trình, kế hoạch đề ra. Chú trọng hoạt động phối hợp giữa các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tham mưu ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh.	Sở Tư pháp	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
58	Đẩy mạnh hoạt động truyền thông, hướng nghiệp để nhân dân, đặc biệt là thanh niên, những người trong độ tuổi lao động nhận thức đúng về vị trí, vai trò của đào tạo nghề để thay đổi định hướng, thu hút ngày càng nhiều người học nghề;	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 03/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
59	Củng cố và phát triển mạng lưới đào tạo nghề trên địa bàn; tăng cường huy động nguồn lực, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là các cơ sở đào tạo nghề trọng điểm, các ngành nghề có nhu cầu sử dụng lao động cao.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
60	Khảo sát đánh giá nguồn lao động và nhu cầu sử dụng lao động của tỉnh để có kế hoạch đào tạo phù hợp với yêu cầu; chú trọng đào tạo có địa chỉ, theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
61	Xây dựng và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa về đào tạo nghề, giáo dục và hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và xã hội.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
62	Tăng cường tổ chức sàn giao dịch, giới thiệu việc làm tại tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động và người có nhu cầu việc làm tiếp cận giao dịch. Thường xuyên thông báo khai kết quả, chất lượng, ngành nghề, loại hình, số lượng lao động ở địa phương được đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp biết tuyển dụng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
63	Chi đạo quyết liệt các đơn vị trực thuộc (Trường Trung cấp nghề, Trung tâm Dịch vụ việc làm), các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tăng cường công tác tuyển sinh đào tạo nghề, trong đó cần lựa chọn những nghề mà hiện nay thị trường lao động đang có nhiều nhu cầu sử dụng, ưu tiên đào tạo hệ Trung cấp nghề. Tăng cường công tác thông tin về thị trường lao động, khai thác và cung cấp số liệu về lao động cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Tháng 3/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
64	Tổ chức hội nghị đối thoại, trao đổi giữa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các Sở, Ban, ngành liên quan với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để nắm bắt nhu cầu bồi dưỡng, tập huấn các văn bản chính sách lao động (Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, công tác An toàn, vệ sinh lao động, Luật giáo dục nghề nghiệp,...); nhu cầu tuyển dụng lao động; nhu cầu đào tạo, đào tạo lại; đào tạo gắn với tuyển dụng lao động để triển khai các kế hoạch, giải pháp cụ thể góp phần hỗ trợ doanh nghiệp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 5/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
65	Xây dựng kế hoạch khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo lao động, cung ứng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển của tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
66	Chú trọng phối hợp với các Sở, ngành liên quan đẩy mạnh triển khai các thủ tục liên quan để cấp giấy phép xây dựng. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông, kết nối điện tử, cải cách quy trình, thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng, các thủ tục hành chính có liên quan đến quản lý xây dựng công trình. Rút ngắn thời gian Cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan (bao gồm cả thủ tục phê duyệt thiết kế xây dựng công trình, kết nối cấp thoát nước, nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng, đăng ký tài sản sau hoàn công,...);	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
67	Chú trọng phối hợp các cơ quan liên quan duy trì và tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng hồ sơ thiết kế, chất lượng thi công xây dựng công trình, trách nhiệm pháp lý của chủ thể tham gia xây dựng công trình.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
68	Tiếp tục công khai các quy hoạch chuyên ngành xây dựng đã được duyệt, rà soát và cắt giảm các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quy hoạch, cấp phép, xây dựng.	Sở Xây dựng	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
69	Công khai thông tin đường dây nóng và hộp thư góp ý; xây dựng các kênh phát hiện thông tin, tiếp nhận ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế về tổ cáo hành vi nhũng nhiễu và có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ nhằm kiểm soát, ngăn chặn kịp thời biểu hiện nhũng nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đảm bảo không thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/doanh nghiệp/năm; không thanh tra, kiểm tra khi không có căn cứ pháp luật.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Số điện thoại; các chuyên mục góp ý, nhận tin báo	Chi phí thời gian	
70	Rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng và thời gian thanh tra tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giữa các cơ quan thanh tra chuyên ngành và cơ quan thanh tra hành chính; đảm bảo mỗi doanh nghiệp chỉ bị thanh, kiểm tra không quá 01 lần/năm; kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác thanh tra, kiểm tra.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Quý I/2019	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra được phê duyệt	Chi phí thời gian	
71	Phối hợp với Kiểm toán Nhà nước rà soát, xử lý chồng chéo kế hoạch thanh tra, kiểm tra.	Thanh tra tỉnh	Kiểm toán Nhà nước	Sau khi Kiểm toán Nhà nước gửi văn bản triển khai khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán	Báo cáo kết quả	Chi phí thời gian	
72	Công khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm đã được thủ trưởng cùng cấp phê duyệt trên Cổng, Trang thông tin điện tử	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Sau khi được Thủ trưởng phê duyệt	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
73	Hạn chế việc thanh tra đột xuất (không có trong chương trình, kế hoạch thanh tra), nắm bắt thông tin chính xác nếu có vi phạm mới thanh tra đột xuất; kiểm điểm, xử lý kỷ luật cán bộ, tổ chức thanh tra trong 01 năm nếu để xuất thanh tra đột xuất 03 lần, vụ việc mà không phát hiện sai phạm do mình đã đề xuất.	Thanh tra tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã; các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
74	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Nông, chú trọng gắn với xây dựng nông thôn mới.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
75	Xây dựng các vườn nhân giống, vườn chồi ghép các loại cây trồng chủ lực, cây ăn quả tiềm năng của từng huyện/thị xã.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
76	Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản, ứng dụng công nghệ, giảm tổn thất sau thu hoạch.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
77	Chú trì nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các lĩnh vực thuộc ngành quản lý đảm bảo khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư đối với các địa phương trong cả nước và phục vụ công tác cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh;	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
78	Tăng cường kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động trung thông tin điện tử của các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã nhằm công khai, minh bạch, cung cấp kịp thời thông tin về cơ chế chính sách, thủ tục hành chính tới nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
79	Phối hợp, hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí thường trú trên địa bàn tỉnh, hợp tác truyền thông với tỉnh tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, các kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và các hoạt động liên quan đến công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh để cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tiếp cận, tích cực hưởng ứng và triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Hàng quý	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
80	Chú trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp để đẩy nhanh triển khai mô hình chính quyền điện tử.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Quý 1/2019	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
81	Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ tin trong chỉ đạo và điều hành, việc sử dụng các dịch vụ công đã được triển khai.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
82	Chú trì tham mưu triển khai, cải thiện chỉ số cơ sở hạ tầng PCI liên quan đến lĩnh vực truyền thông (bao gồm điện thoại và mạng internet), nhằm cải thiện và nâng cao chỉ số cơ sở hạ tầng PCI về điện tử, internet...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chỉ số cơ sở hạ tầng PCI	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
83	Rút ngắn thời gian, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án theo yêu cầu của Nghị quyết; hỗ trợ hoạt động của tòa án, cơ quan thi hành án, thừa phát lại, luật sư;	Tòa án nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Chi phí không chính thức	
84	Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện cải cách thủ tục hành chính tư pháp theo đúng tinh thần của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, Luật phá sản 2014;	Tòa án nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Tháng 3/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
85	Rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng xuống còn tối đa 200 ngày; thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp xuống còn tối đa không quá 300 ngày. Mục tiêu đến năm 2020, thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng, thời gian giải quyết phá sản doanh nghiệp đạt mức trung bình của các nước ASEAN+3.	Tòa án nhân dân tỉnh	Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Tháng 3/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
86	Tổ chức khảo sát, đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp để tham mưu, đề xuất các giải pháp nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, kết nối cung - cầu công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Tháng 4/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
87	Tham mưu UBND tỉnh các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO và hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Tháng 3/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
88	Tham mưu UBND tỉnh chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong tỉnh đăng ký, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hóa; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kiểm định, kiểm nghiệm, chứng nhận,... để nâng cao công tác quản lý chất lượng hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện thị xã	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
89	Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt thương hiệu, xuất xứ hàng hóa, bản quyền, sở hữu trí tuệ,...	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Trong tháng 02/2019 và thường xuyên thực hiện	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
90	Xây dựng cơ sở dữ liệu và công bố thông tin đầy đủ về kết quả nghiên cứu, ứng dụng của các đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ tỉnh thực hiện bằng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 9/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
91	Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoàn thành và đưa vào khai thác đúng tiến độ đảm bảo hiệu quả, nhằm giảm bớt thời gian đi lại, vận chuyển hàng hóa cho nhà đầu tư, doanh nghiệp;	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Tháng 3/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chi số	Ghi chú
92	Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp phát triển dịch vụ vận tải nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ logistic.	Sở Giao thông Vận tải	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Tháng 4/2019	Báo cáo Kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
93	Công khai, minh bạch các quy định của Luật quản lý thuế, các quy trình thanh tra, giải quyết khiếu nại và hoàn thuế giá trị gia tăng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp; Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa liên thông, một cửa điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính về thuế, tiền thu từ phí, lệ phí.	Cục Thuế tỉnh	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Kế hoạch thực hiện; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí không chính thức	
94	Nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật cán bộ, viên chức trong thực hiện công vụ có liên quan đến doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, người dân; có biện pháp chấn chỉnh đối với tình trạng doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác thương lượng với cán bộ thuế trong thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;	Cục Thuế tỉnh	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí không chính thức	
95	Thực hiện nghiêm túc theo lộ trình, Kế hoạch cải cách hành chính thuế và Quy trình của Tổng Cục thuế để thực hiện quy trình, hồ sơ và thủ tục nộp thuế và rút ngắn thời gian hoàn thành thủ tục nộp thuế.	Cục Thuế tỉnh	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh	Theo Kế hoạch của tổng Cục thuế	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí không chính thức	
96	Tiếp tục công khai cơ sở dữ liệu về hoàn thuế, thực hiện nghiêm túc việc niêm yết nội dung, địa chỉ tiếp nhận phân ảnh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính và niêm yết công khai thủ tục hành chính của ngành thuế.	Cục Thuế tỉnh	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí không chính thức	
97	Rút ngắn thời gian cấp mã số doanh nghiệp xuống còn tối đa là 12 giờ; Có thông báo kịp thời cho Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với những doanh nghiệp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế và đề xuất biện pháp xử lý đối với các doanh nghiệp vi phạm	Cục Thuế tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thường xuyên	Báo cáo Kế quả thực hiện theo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Chi phí gia nhập thị trường	
98	Nâng cao vai trò, góp ý xây dựng, phân biện cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trên địa bàn tỉnh, tham gia xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn, cung cấp dịch vụ công...	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện thị xã.	Hàng tháng	Báo cáo kết quả thực hiện	Tinh minh bạch	
99	Chỉ đạo các TCTD trên địa bàn thực hiện tốt các nội dung sau (tập trung vào đối tượng doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt là DNNVV): Tăng cường đối thoại gặp gỡ doanh nghiệp; Rà soát, cải tiến, đổi mới quy trình tạo điều kiện vay vốn theo hướng đơn giản; Tích cực triển khai các chương trình/gói tín dụng với lãi suất ưu đãi cho doanh nghiệp; Công khai minh bạch thông tin tín dụng.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai thực hiện các nội dung; Báo cáo Kế quả thực hiện theo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm	Cạnh tranh bình đẳng	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
100	Chủ trì tổ chức hoặc chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tiếp tục thực hiện các chương trình tiếp xúc khách hàng, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp về các vấn đề liên quan như: Việc tiếp cận vốn, thủ tục vay vốn, lãi suất và các chương trình tín dụng đang triển khai,...	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh	Tháng 9/2019	Tổ chức 02 Hội nghị/01 năm; Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
101	Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các trường học, bệnh viện, công ty điện, công ty cấp, thoát nước, công ty vệ sinh môi trường, các công ty viễn thông, bưu chính trên địa thị xã phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thu học phí, viện phí, tiền điện, ... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; các Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh	Tháng 12/2019	Báo cáo kết quả thực hiện		
102	Tăng cường kỷ cương, nền nếp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục phổ thông; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
103	Tăng cường tổ chức các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm khoa học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	
104	Tuyên truyền, quảng bá về hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh và các chính sách thu hút đầu tư của tỉnh thông qua các chương trình hợp tác quốc tế. Đồng thời cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư nước ngoài muốn tìm hiểu về tỉnh.	Sở Ngoại vụ	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện		
105	Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan công khai các quy trình, thủ tục về kiểm tra an toàn thực phẩm theo hướng áp dụng chủ yếu kiểm tra an toàn thực phẩm sau thông quan; kiểm tra trong quá trình sản xuất; triển khai thực hiện công tác kiểm tra an toàn thực phẩm theo quy định đảm bảo an toàn thực phẩm trong các cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là trong các khu công nghiệp.	Sở Y tế	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Tháng 4/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
106	Tiếp nhận, giải quyết 100% hồ sơ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đúng và trước thời hạn theo quy định của pháp luật.	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Nội vụ	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
107	Nắm bắt nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp để phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ sở dạy nghề và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nghề để cung ứng, đáp ứng nhu cầu lao động của các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp.	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Đào tạo lao động	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
108	Phối hợp với các đơn vị có liên quan giới thiệu, hỗ trợ các công nghệ tiên tiến áp dụng trong sản xuất; hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, dịch vụ hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp.	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Hỗ trợ doanh nghiệp	
109	Đăng tải công khai danh mục các dự án đầu tư chậm tiến độ, tạm ngừng không triển khai đầu tư trên trang thông tin điện tử của đơn vị và thông tin đến các sở, ngành liên quan biết, phối hợp rà soát	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Hỗ trợ doanh nghiệp	
110	Thực hiện thu hút, quản lý và khai thác hiệu quả các khu công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt (Bao gồm cả khu công nghiệp Nhân Cơ 2); đẩy mạnh thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, tạo nguồn cung sản có về mặt bằng sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý; bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật ổn định (điện, nước, viễn thông...);	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Hỗ trợ doanh nghiệp	
111	Tiếp tục rà soát các TTHC liên quan đến cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng cho doanh nghiệp;	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Hỗ trợ doanh nghiệp	
112	Nghiên cứu, tiếp tục cắt giảm TTHC trong lĩnh vực đầu tư vào địa bàn khu công nghiệp nhằm giảm tối đa thời gian, chi phí cho nhà đầu tư, doanh nghiệp khi đến đầu tư kinh doanh;	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Hỗ trợ doanh nghiệp	
113	Đơn giản hóa, điện tử hóa thủ tục, rút ngắn thời gian nộp bảo hiểm xã hội đối với doanh nghiệp so với năm trước (giờ/năm);	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
114	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tin học hóa toàn diện trong việc thực hiện BHXH, BHYT, BHTN nhằm công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan BHXH trên môi trường mạng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
115	Tiếp tục rà soát, đơn giản hồ sơ, quy trình và thủ tục kê khai thu, cấp số, thẻ và chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;	Bảo hiểm Xã hội tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
116	Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hải quan năm 2014; thực hiện ứng dụng hiệu quả hệ thống thông quan điện tử, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu;	Cục Hải quan Đắk Lắk	Sở Công Thương	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
117	Triển khai thực hiện vận hành thông suốt hệ thống VNACCS/VICIS (hệ thống thông quan tự động) và cơ chế một cửa quốc gia. Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Hải quan và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để đảm bảo tính thống nhất;	Cục Hải quan Đắk Lắk	Sở Công Thương	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
118	Phổ biến, tuyên truyền về Kế hoạch hành động của tỉnh; chủ động xây dựng và cập nhật tin bài về cải thiện môi trường kinh doanh; Tiếp tục tuyên truyền về nỗ lực của tỉnh trong triển khai cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết Chính phủ, nâng cao năng lực cạnh tranh	Báo Đák Nông; Đài PT&TH tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, thị xã	Thường xuyên	Các tin, bài viết, chuyên mục tuyên truyền; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
119	Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động của doanh nghiệp; phát huy vai trò hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, xây dựng và quảng bá thương hiệu, tôn vinh doanh nghiệp hoạt động đúng pháp luật và đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Phấn đấu đa chiều những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và nhà đầu tư, sự nỗ lực của chính quyền tỉnh trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.	Báo Đák Nông; Đài PT&TH tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh	Các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, thị xã	Thường xuyên	Các tin, bài viết, chuyên mục tuyên truyền; Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
120	Tăng cường số lượng, thời lượng các chuyên mục về tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước đến người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời tạo cơ chế chia sẻ các thông tin này để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và các Trang thông tin của đơn vị liên quan.	Báo Đák Nông; Đài PTTH tỉnh	Các Sở, Ban, ngành	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
121	Xử lý nghiêm những doanh nghiệp vi phạm pháp luật, buôn lậu, trốn thuế, buôn bán hàng cấm, hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật về môi trường,... để bảo đảm sự bình đẳng và quyền lợi của các doanh nghiệp chân chính; không hình sự hóa quan hệ kinh tế, dân sự	Cục Quản lý thị trường tỉnh	Sở Công Thương, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
122	Tích cực tham gia, phối hợp chặt chẽ với cộng đồng các nhà đầu tư nắm bắt những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, phản ánh với cơ quan có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện thị xã.	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
123	Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu tiếp cận thông tin, giao dịch trực tuyến của doanh nghiệp và đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đối với mức độ cải thiện Chỉ số minh bạch và tiếp cận thông tin của tỉnh hàng năm;	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, Ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã.	Tháng 6/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
124	Nghiên cứu, đề xuất chính quyền xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp, sát thực tế, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh. Tuyên truyền về vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện thị xã.	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tính minh bạch	
125	Thực hiện phát triển HTX kiểu mới gắn với chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa quy mô lớn; tăng cường tập huấn, nâng cao nhận thức của các HTX trong công tác quản trị, khởi nghiệp. Chủ động đề xuất với tỉnh cơ chế chính sách riêng để giúp các HTX, doanh nghiệp ngày càng phát triển.	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Chỉ chủ
126	Chủ động tích cực tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến công đồng doanh nghiệp về các chủ trương, chính sách của tỉnh trong lĩnh vực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp chủ động tương tác với các cơ quan, đơn vị, chính quyền địa phương của tỉnh thông qua các chuyên mục mở ứng dụng công nghệ thông tin như: Website, cổng thông tin điện tử,....	Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện thị xã.	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Tinh minh bạch	
127	Công khai, cập nhật 100% các quyết định, chính sách, thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc, trên trang thông tin điện tử của đơn vị.	UBND các huyện, thị xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
128	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính nhằm xây dựng ngày càng tốt hơn nền hành chính công theo hướng phục vụ; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và thực thi công vụ.	UBND các huyện, thị xã	Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
129	Tăng cường công tác tuyên truyền tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tỉnh, các chính sách do địa phương ban hành. Giải quyết đúng thời gian quy định việc lấy ý kiến của các Sở, ngành đối với những vấn đề liên quan đến việc chấp thuận chủ trương đầu tư, địa điểm đầu tư. Tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch giao cho nhà đầu tư.	UBND các huyện, thị xã	Đài PT&TH tỉnh; Báo Đắk Nông; Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
130	Chủ động tháo gỡ khó khăn, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn địa phương mình.	UBND các huyện, thị xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
131	Xây dựng dữ liệu hồ sơ doanh nghiệp, hồ sơ rủi ro, tiêu chí phân tích, đánh giá xác định doanh nghiệp xuất nhập khẩu trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác kiểm tra sau thông quan, tiến tới chuyển đổi căn bản phương thức quản lý từ kiểm tra trong thông quan sang kiểm tra sau thông quan;	Cục Hải quan Đắk Lắk	Các Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	

STT	Nội dung, nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả đầu ra; Tài liệu kiểm chứng đánh giá năm 2019	Triển khai cho chỉ số	Ghi chú
132	Xây dựng cơ chế, quy định xử lý nghiêm các hành vi của cá nhân/tổ chức lợi dụng sự "thông thoáng" của Luật doanh nghiệp để thành lập doanh nghiệp với mục đích mua bán hóa đơn, chứng từ để trục lợi và những hành vi vi phạm pháp luật khác và tổ chức triển khai thực hiện. Tăng cường công tác an ninh, bảo vệ tài sản doanh nghiệp, triệt phá các băng nhóm côn đồ, xã hội đen, bảo kê để doanh nghiệp yên ổn làm ăn.	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã	Tháng 6/2019	Quy định được ban hành	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
133	Bảo đảm tốt tình hình an ninh trật tự, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.	Công an tỉnh	UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
134	Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, các phương tiện thông tin đại chúng và trên Cổng thông tin điện tử của Công an tỉnh để cơ quan và doanh nghiệp tiếp cận.	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Thường xuyên	Văn bản triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
135	Tổ chức kiểm tra theo đúng kế hoạch chung của tỉnh đối với doanh nghiệp gắn với việc tuyên truyền, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chấp hành tốt quy định của pháp luật về an ninh trật tự.	Công an tỉnh	UBND các huyện thị xã	Theo Kế hoạch được duyệt	Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
136	Tiếp tục rà soát, sửa đổi quy trình thống nhất về đầu nối nguồn cấp nước đối với cá nhân và tổ chức; công bố bản đồ hiện trạng đường ống phân phối nước; tiếp tục đơn giản thủ tục và thời gian đầu nối nguồn nước cho khách hàng	Công ty Cổ phần cấp nước và phát triển đô thị Đắk Nông	Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	
137	Rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng đối với các doanh nghiệp, dự án đầu tư xuống còn tối đa là 08 ngày làm việc. Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các phản ánh của doanh nghiệp liên quan đến các dịch vụ do đơn vị mình cung cấp tối đa 03 ngày làm việc.	Công ty Điện lực Đắk Nông	Sở Công Thương	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
138	Đảm bảo vận hành lưới điện an toàn, hiệu quả, cung cấp điện đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, tiếp tục đầu tư hạ tầng cấp điện, nâng cấp đường dây tải điện đảm bảo việc thực hiện chỉ số tiếp cận điện năng theo đúng mục tiêu đề ra.	Công ty Điện lực Đắk Nông	Sở Công Thương	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
139	Chủ trì tham mưu triển khai các giải pháp nhằm đầu tư hạ tầng cơ sở liên quan đến cung cấp điện trên địa bàn tỉnh.	Công ty Điện lực Đắk Nông	Sở Công Thương	Tháng 6/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
140	Công khai thủ tục hành chính và giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp, bảo đảm các mục tiêu theo Nghị quyết số 19 của Chính phủ và các chỉ tiêu theo chỉ số thành phần PCI.	Tòa án nhân dân tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh và các đơn vị có liên quan	Tháng 3/2019	Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
141	Đưa nội dung chỉ số PCI vào giới thiệu trong các khóa bồi dưỡng chương trình hệ chuyên viên.	Trường Chính trị tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ	Thường xuyên	Báo cáo kết quả thực hiện	Chi phí thời gian	
142	Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp; bảo vệ lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Tòa án nhân dân tỉnh	Tháng 3/2019	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	

Tổng cộng: 142 nhiệm vụ